



## MARKET LENS

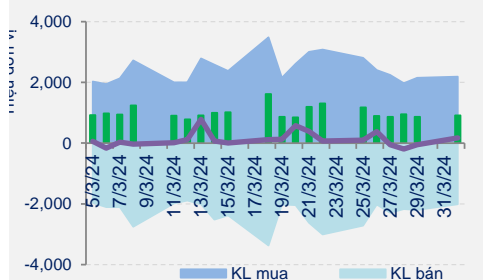
Phiên giao dịch ngày: 1/4/2024

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

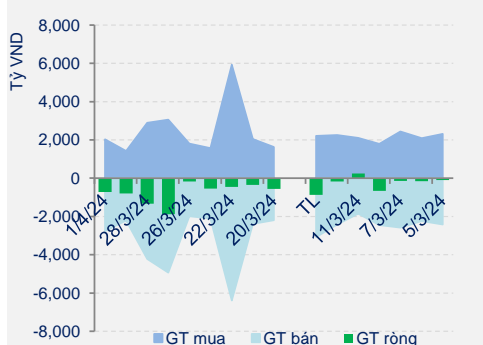
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,281.52	242.90
% Thay đổi	↓ -0.20%	↑ 0.13%
KLGD (CP)	911,996,101	100,868,515
GTGD (tỷ đồng)	23,243.75	2,241.15
Tổng cung (CP)	2,012,066,810	164,542,500
Tổng cầu (CP)	2,185,693,518	145,485,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	78,631,542	2,230,524
KL mua (CP)	60,300,855	3,040,110
GT mua (tỷ đồng)	2,033.95	101.47
GT bán (tỷ đồng)	2,756.63	42.87
GT ròng (tỷ đồng)	(722.68)	58.60

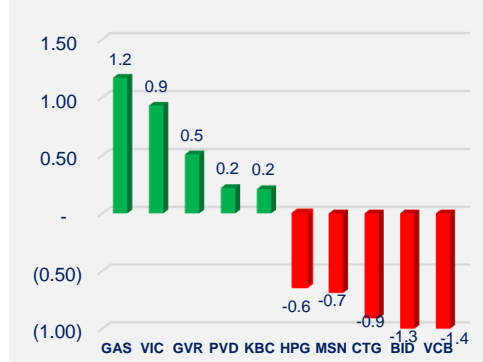
## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



## Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Thị trường khởi đầu quý II/2024 cùng với sự kiện VNDRIECT bắt đầu kết nối giao dịch trở lại sau 05 phiên bị gián đoạn vì sự cố bất thường. VN-INDEX phiên giao dịch đầu quý chịu áp lực điều chỉnh rung lắc kiểm tra lại vùng giá quanh 1.275 điểm, tương ứng vùng giá cao của những phiên chịu áp lực điều chỉnh mạnh trong đầu tháng 3/2024. Kết phiên VN-INDEX giảm 2,57 điểm (-0,2%) về mức 1.281,52 điểm. HNX-INDEX tích cực hơn tăng 0,13 điểm (+0,13%) lên mức 242,90 điểm. Thị trường phân hóa mạnh nghiêng về tiêu cực với áp lực bán gia tăng khi có 300 mã giảm giá (06 mã giảm sàn), 188 mã tăng giá (10 mã tăng trần) và 131 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết đạt 25.473,35 tỉ đồng được giao dịch, trên mức trung bình với khối lượng giao dịch VN-INDEX tăng 13,83% so với phiên cuối tuần trước, cải thiện có thể do VNDRIECT bắt đầu kết nối giao dịch trở lại. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch trong phiên hôm nay, tiếp tục bán ròng mạnh trên HOSE với giá trị 722,97 tỉ đồng, tập trung bán ròng ở nhóm cổ phiếu thép, ngân hàng, chứng khoán; mua ròng trên HNX với giá trị 58,60 tỉ đồng.

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng PMI - ngành sản xuất Việt Nam giảm về dưới ngưỡng 50 điểm trong tháng 3/2024, với kết quả 49,9 điểm sau khi đạt 50,4 điểm trong tháng 2. Báo cáo cho biết, có những dấu hiệu cho thấy nhu cầu yếu trong tháng 3, từ đó số lượng đơn đặt hàng mới giảm mặc dù giá hàng hóa đã được chiết khấu để giúp tăng doanh số. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng giảm, và mức độ giảm là lớn nhất kể từ tháng 7/2023 trong bối cảnh có áp lực cạnh tranh và những vấn đề về địa chính trị. Trong khi Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) của Trung Quốc đã tăng lên 50,8 điểm trong tháng 3/2024, tăng trưởng đầu tiên sau 6 tháng.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng tạo áp lực điều chỉnh lên thị trường trong phiên hôm nay khi đa số chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản ở mức trung bình như MBB (-1,97%), TPB (-1,83%), CTG (-1,55%), LPB (-1,42%)... ngoài SGB (+2,11%), SHB (+0,44%), VCB (+0,32%) tăng giá nhẹ, thanh khoản dưới mức trung bình. Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán đa số cũng chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản dưới mức trung bình với PSI (-3,23%), VFS (-1,52%), CSI (-1,30%), BVS (-1,19%)... ngoài các mã khá tích cực như IVS (+3,91%), SHS (+1,00%), HCM (+0,85%)... thanh khoản trên mức trung bình.

Trong khi đó thị trường lại giao dịch rất sôi động ở nhóm cổ phiếu bất động sản với đa số có diễn biến tăng giá tích cực, thanh khoản gia tăng mạnh, nổi bật như SGR (+6,84%), NDN (+6,72%), CRE (+4,68%), DIG (+4,40%), NHA (+3,41%)... ngoài HPX (-7,00%), VRC (-3,20%), SJS (-2,05%)... chịu áp lực điều chỉnh khá mạnh. Các cổ phiếu xây dựng, vật liệu xây dựng cũng có diễn biến khá tích cực, thanh khoản ở mức trung bình với LCG (+2,17%), BMP (+2,00%), FCN (+1,81%)... ngoài CTD (-1,92%), PC1 (-0,70%)...

Nhóm cổ phiếu dầu khí cũng có diễn biến giao dịch tích cực, nhiều mã tăng tốt với thanh khoản gia tăng đột biến khi giá dầu vẫn duy trì ở mức cao và với những thông tin tích cực về dự án Lô B Ô môn, nổi bật với PVS (+3,83%), PVB (+2,47%), VTO (+1,85%), PVD (+1,55%)... Trong khi các nhóm ngành khác, đa số chịu áp lực điều chỉnh tích lũy với thanh khoản dưới mức trung bình.

Trên thị trường phái sinh kỳ hạn VN30F2404 giảm 7,7 điểm (-0,59%), chênh lệch chuyển âm -2,22 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng 18,88% so với phiên trước, trên mức trung bình. Xu hướng ngắn hạn VN30F2404 đang chuyển sang giai đoạn tích lũy trên vùng hỗ trợ quanh 1.282 điểm, tương ứng giá cao nhất ngày 06/03/2024, kháng cự mạnh 1.295 điểm, giá cao nhất ngày 22/03/2024. Các kỳ hạn VN30F2405, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 0,58 điểm đến 2,28 điểm so với VN30, mức chênh lệch thu hẹp cho thấy các trader đang nghiêng về VN30 điều chỉnh ngắn hạn, duy trì lạc quan với xu hướng của VN30 lớn hơn khi VN30 vẫn đang giao dịch biến động mạnh.

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**


Thị trường điều chỉnh nhẹ và chưa có phiên bùng nổ vượt cản 1.300 điểm, chốt phiên Vn-Index giảm -2,57 điểm (-0,20%) và đóng cửa ở 1.281,52 điểm.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, thị trường đang vận động tích cực với phiên điều chỉnh đầu tuần giúp Vn-Index củng cố thêm nền tích lũy. Ngưỡng cản 1.300 điểm là cản mạnh nên thị trường cần nền tích lũy đủ dài và tin cậy và vận động của Vn-Index trong thời gian qua cho thấy điều đó với nhiều phiên rung lắc rũ bỏ và vận động chật chệ lại. Với trạng thái hiện tại Vn-Index hoàn toàn có thể bùng nổ hướng tới và vượt 1.300 điểm nhưng cũng có thể thị trường sẽ tiếp tục kéo dài quá trình tích lũy và tiếp tục chật chệ thêm, vận động tiếp tục Swing hoàn toàn có thể xảy ra và giúp củng cố thêm độ tin cậy cho quá trình vượt cản.

Về góc nhìn trung hạn VnIndex đang dần tích lũy nền tin cậy để sẵn sàng cho nhịp bùng nổ tiếp theo hình thành uptrend, tuy nhiên chúng tôi cho rằng về trung hạn Vn-Index dù tích cực vẫn cần thời gian tích lũy thêm quanh cản mạnh 1.300 điểm. Trong kịch bản tiêu cực hơn thị trường sẽ có điều chỉnh và trở lại vận động tích lũy, chúng tôi cho kênh tích lũy phù hợp sẽ là 1.250 điểm - 1.300 điểm.

Tình hình vĩ mô trong nước đang dần có dấu hiệu khởi sắc hơn trong năm 2024 khi GDP Quý 1/2024 tăng 5,66% cao nhất trong 5 năm qua, tuy nhiên các thông số vĩ mô vẫn chưa hoàn toàn cho thấy khởi sắc khi tăng trưởng tín dụng yếu cho thấy nền kinh tế đang có khả năng hấp thụ vốn thấp, tỷ giá vẫn ở mức cao nhưng khó khăn đối với thị trường BDS và đặc biệt là thị trường trái phiếu vẫn chưa có bước chuyển biến căn cơ. Tình hình kinh tế toàn cầu hiện cũng đang khó lường khi kinh tế toàn cầu vẫn bất ổn và tăng trưởng thấp đặc biệt là khu vực EU có nhiều nền kinh tế bước vào suy thoái như Pháp, Đức, Hà Lan, Anh... Điểm tích cực là tình hình lạm phát đã bình ổn và FED đã phát tín hiệu dừng tăng lãi suất đồng thời để ngỏ khả năng khởi động chu kỳ giảm lãi trong năm 2024. Với tình trạng vĩ mô tốt xấu đan xen, việc thị trường hướng tới vận động tìm điểm cân bằng lại để tích lũy là phù hợp.

Vn-Index tiếp tục vận động chật chệ trong nền tích lũy đang hình thành trước cản mạnh 1.300, nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục có thể giải ngân trong các phiên tiếp theo nếu thị trường có tín hiệu tăng điểm bùng nổ vượt cản. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang vận động trong nửa trên của kênh tích lũy và đã trải qua nhiều nhịp rung lắc, tuy nhiên Vn-Index sớm tiệm cận cản mạnh 1.300 điểm và tiếp tục quá trình tích lũy, nhà đầu tư trung hạn nếu bám sát các bản tin của chúng tôi thì hiện tại danh mục đã ổn định, trong trường hợp cần giải ngân thêm vẫn có thể tiến hành đầu tư với kỳ vọng VnIndex vượt cản 1.300 điểm để hình thành uptrend.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

1/4/2024

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
BWE	44.95	42.5-43.5	50-52	40	12.9	8.1%	-13.6%	Theo dõi giải ngân
PVS	40.70	37-37.8	44-45	35	22.5	27.9%	-44.8%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
8/11/2023	PHR	63.50	45.1	64-65	62	40.8%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	32.85	27.55	32-33	31	19.2%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	22.90	18.09	23-24	21	26.6%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ****PMI Việt Nam tháng 3/2024 giảm nhẹ còn 49,9 điểm**

Báo cáo Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Purchasing Managers' Index™ (PMI®) mới nhất của S&P Global chỉ ra rằng, sau khi cải thiện nhẹ trong hai tháng đầu năm, các điều kiện kinh doanh của ngành sản xuất Việt Nam hầu như không thay đổi trong tháng 3. Theo đó, cả sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều giảm khiến cho chi phí đầu vào tăng chậm hơn và giá bán hàng giảm. Song, các chuyên gia S&P Global cho hay, điểm tích cực là niềm tin về triển vọng sản lượng trong một năm tới đạt mức cao trong vòng 18 tháng, và các nhà sản xuất tuyển thêm nhân viên với tốc độ nhanh hơn. Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Manufacturing Purchasing Managers' Index™ (PMI®) - ngành sản xuất Việt Nam giảm về dưới ngưỡng 50 điểm trong tháng 3, với kết quả 49,9 điểm sau khi đạt 50,4 điểm trong tháng 2.

**Xuất khẩu thủy sản quý I/2024 đạt gần 2 tỷ USD**

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (Vasep) thông tin, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước tính tới hết quý I/2024 ước đạt gần 2 tỷ USD, tăng hơn 8% so với cùng kỳ năm ngoái. Riêng trong tháng 3, xuất khẩu thủy sản ước đạt trên 770 triệu USD, tăng nhẹ 1% so với cùng kỳ năm 2023. Bà Lê Hằng, Giám đốc Truyền thông Vasep cho biết, về thị trường, Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc là 3 thị trường nhập khẩu lớn nhất của thủy sản Việt Nam; trong đó, xuất khẩu sang Mỹ bứt phá mạnh hơn hẳn, với mức tăng trưởng 16% đạt 330 triệu USD.

**Thị trường tiền tệ tháng 3: Tín dụng quay đầu tăng, quy mô hút tiền của NHNN gần đạt đỉnh**

Thị trường tiền tệ tháng 3 khép lại với tín hiệu phục hồi của tín dụng sau gần ba tháng tăng trưởng âm. Động thái hút tiền qua kênh tín phiếu của NHNN cũng đang cho tín hiệu đạt đỉnh. Tín dụng đã quay đầu tăng sau gần ba tháng sụt giảm so với cuối năm 2023. Theo số liệu từ Tổng Cục Thống kê, tính đến ngày 25/3, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 0,26%. Mặc dù vậy con số này vẫn thấp hơn nhiều mức cùng kỳ năm trước là 1,99%. Trước đó, vào cuối tháng 1, tín dụng đã giảm 0,6% so với cuối năm ngoái, cuối tháng 2 giảm 0,72% và đến 18/3 tín dụng vẫn giảm 0,33%, theo thông tin từ một số công ty chứng khoán.

**WB: Việt Nam thuộc top đầu tăng trưởng trên thế giới năm 2024 với 5,5%**

Tại buổi họp báo sáng 1-4 công bố Báo cáo Cập nhật kinh tế Đông Á và Thái Bình Dương với tiêu đề "Nền tảng vững chắc cho Tăng trưởng", WB dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2024 là 5,5%. Con số này giữ nguyên so với Báo cáo triển vọng tăng trưởng kinh tế năm 2024 mà Ngân hàng thế giới (WB) công bố hồi đầu năm, cho rằng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2024 sẽ là 5,5% và năm 2025 là 6%. Việt Nam tiếp tục nằm trong nhóm đầu thế giới về tốc độ tăng trưởng kinh tế.



**TIN DOANH NGHIỆP**

**Đất Xanh (DXG) đặt mục tiêu lãi 226 tỷ đồng, tăng trưởng 31%, dự kiến chia cổ tức 20%**

Công ty cổ phần Tập đoàn Đất Xanh (mã chứng khoán DXG) vừa công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, dự thảo kế hoạch kinh doanh trình đại hội và phương án phân phối lợi nhuận năm. Đại hội cổ đông thường niên 2024 của Công ty cổ phần Tập đoàn Đất Xanh dự kiến tổ chức vào sáng 19/4 theo hình thức trực tuyến. Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, Công ty dự kiến dành 5% lợi nhuận cho các quỹ gồm quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển. Cổ tức dự kiến chi trả 20% tính trên mệnh giá.

**Sợi Thế Kỳ (STK) thông qua kế hoạch lợi nhuận 300 tỷ đồng, tăng trưởng 242%**

Công ty cổ phần Sợi Thế Kỳ (mã chứng khoán STK) đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên thành công vào ngày 28/3 vừa qua. Đại hội tổ chức vào ngày 28/3 tại Khách sạn Equatorial, 242 Trần Bình Trọng, quận 5, TP.HCM với tổng số 117 cổ đông và người được ủy quyền dự họp, đại diện cho 78.164.269 cổ phần, chiếm tỷ lệ 83,07% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Tại Đại hội, các cổ đông đã thông qua kế hoạch kinh doanh mục tiêu doanh thu thuần năm 2024 đạt 2.703 tỷ đồng (tăng trưởng 89,7% so với thực hiện của năm 2023), lợi nhuận sau thuế đạt 300 tỷ đồng (tăng trưởng 242,3% so với thực hiện của năm 2023).

**Năm 2024, BIC đặt mục tiêu lợi nhuận đạt 600 tỷ đồng**

HDQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm BIDV (mã chứng khoán BIC) vừa đưa ra mục tiêu kinh doanh năm 2024. Cụ thể, năm 2024, BIC đặt mục tiêu tổng doanh thu 5.570 tỷ đồng, tăng trưởng hơn 16% so với năm trước, chỉ tiêu lợi nhuận hợp nhất đạt 600 tỷ đồng, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước. Hãng bảo hiểm này cũng đặt mục tiêu đến năm 2025 sẽ lọt vào Top 5 công ty bảo hiểm phi nhân thọ dẫn đầu về quy mô thị phần, đồng thời tiếp tục duy trì vị trí là 1 trong 3 công ty bảo hiểm phi nhân thọ dẫn đầu về tỷ suất sinh lời trên thị trường.

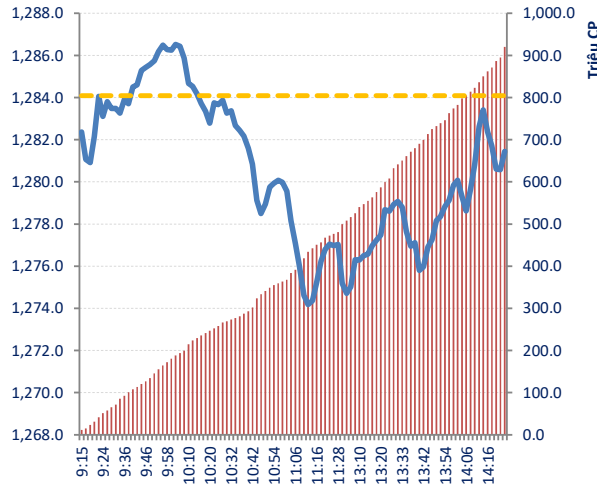
**TPBank: Mục tiêu lãi trước thuế riêng lẻ tăng 34%, còn 3,697 tỷ lợi nhuận chưa phân phối**

Theo tài liệu vừa công bố, Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank, HOSE: TPB) dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên 2024 kế hoạch lãi trước thuế ngân hàng mẹ 7,500 tỷ đồng và phương án phân phối lợi nhuận. Mục tiêu lãi trước thuế riêng lẻ tăng 34%. TPBank đặt mục tiêu năm 2024 đạt 7,500 tỷ đồng lãi trước thuế riêng ngân hàng mẹ, tăng 34% so với kết quả năm 2023. Kế hoạch đến cuối năm 2024, tổng tài sản đạt 390,000 tỷ đồng, tăng hơn 9% so với đầu năm. Huy động vốn dự kiến đạt 327,000 tỷ đồng, tăng 3%.

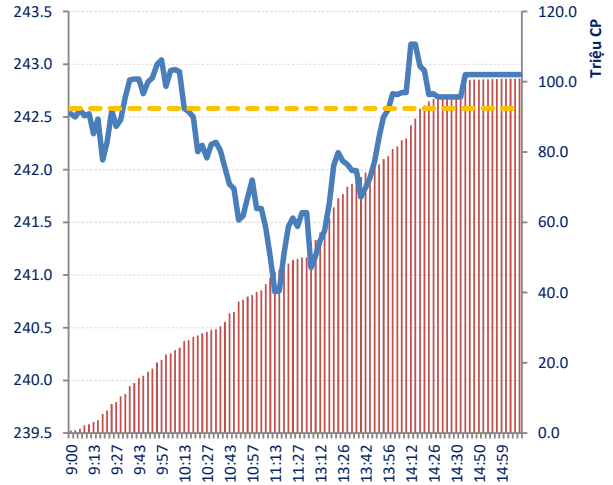


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

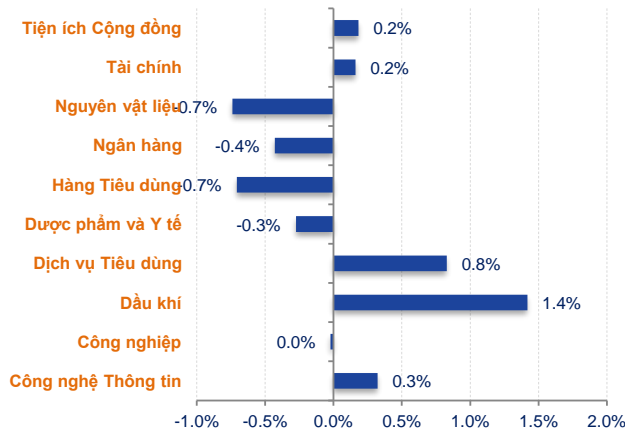
KLGD và VN-Index trong phiên



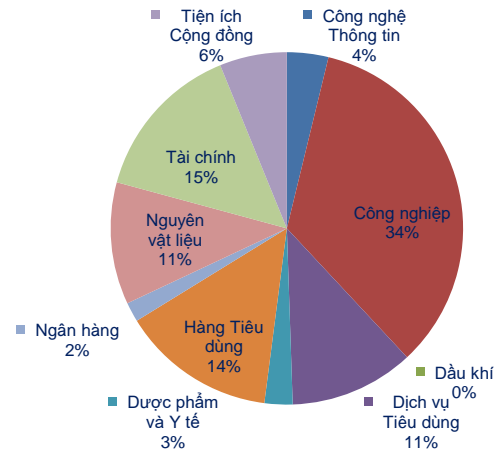
KLGD và HNX-Index trong phiên



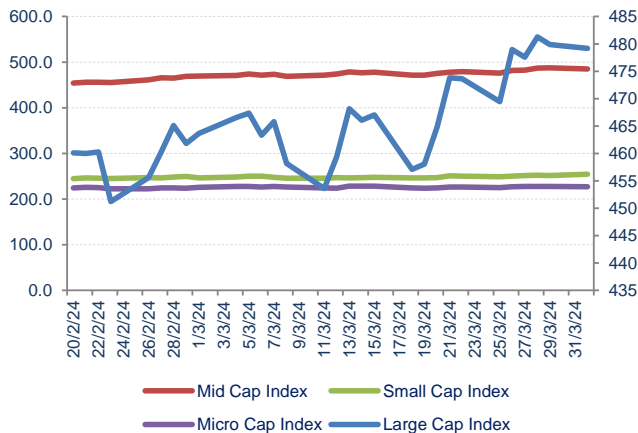
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



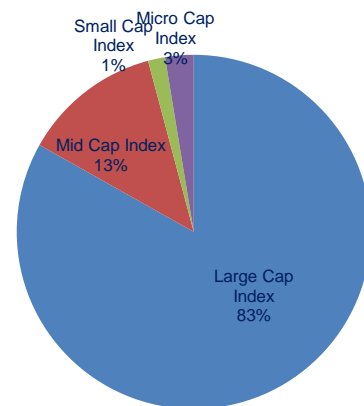
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DIG	4,981,300	SSI	4,454,451
2	PDR	2,670,200	MSN	3,363,246
3	MWG	2,506,400	VND	2,627,500
4	NVL	1,670,069	VNM	2,369,519
5	STB	1,503,046	KBC	1,974,733

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	1,752,500	IVS	342,200
2	SHS	380,800	TIG	341,150
3	DTD	106,200	TNG	279,000
4	MBS	74,685	HUT	168,100
5	VC7	56,200	GKM	134,000

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPX	7.86	7.31	↓ -7.00%	46,821,900
NVL	17.25	17.45	↑ 1.16%	37,590,800
VIX	20.55	20.55	→ 0.00%	35,818,500
SSI	38.50	38.80	↑ 0.78%	31,123,753
MBB	25.40	24.90	↓ -1.97%	29,108,248

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	20.10	20.30	↑ 1.00%	24,619,742
PVS	39.20	40.70	↑ 3.83%	15,239,975
CEO	22.90	23.10	↑ 0.87%	11,328,411
MBS	30.30	30.00	↓ -0.99%	4,753,195
HUT	19.40	19.20	↓ -1.03%	3,357,510

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DXS	7.30	7.81	0.51	↑ 6.99%
CLW	37.25	39.85	2.60	↑ 6.98%
SKG	15.10	16.15	1.05	↑ 6.95%
SGR	21.20	22.65	1.45	↑ 6.84%
HVN	13.50	14.40	0.90	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HAT	46.40	51.00	4.60	↑ 9.91%
ONE	6.10	6.70	0.60	↑ 9.84%
SDA	6.10	6.70	0.60	↑ 9.84%
BTW	37.80	41.50	3.70	↑ 9.79%
MED	22.90	25.00	2.10	↑ 9.17%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HPX	7.86	7.31	-0.55	↓ -7.00%
AGM	6.71	6.25	-0.46	↓ -6.86%
PMG	9.00	8.40	-0.60	↓ -6.67%
SVD	3.47	3.26	-0.21	↓ -6.05%
SCD	14.50	13.65	-0.85	↓ -5.86%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HMR	22.50	20.30	-2.20	↓ -9.78%
VC6	15.00	13.60	-1.40	↓ -9.33%
HLC	15.90	14.50	-1.40	↓ -8.81%
L43	3.60	3.30	-0.30	↓ -8.33%
L61	3.80	3.50	-0.30	↓ -7.89%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPX	46,821,900	3.6%	419	17.5	0.6
NVL	37,590,800	1.3%	311	56.2	0.8
VIX	35,818,500	11.6%	1,444	14.2	1.6
SSI	31,123,753	10.1%	1,531	25.3	2.5
MBB	29,108,248	23.5%	3,963	6.3	1.3

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	24,619,742	5.7%	688	29.5	1.6
PVS	15,239,975	7.7%	2,148	19.0	1.4
CEO	11,328,411	3.0%	402	57.4	1.9
MBS	4,753,195	12.3%	1,334	22.5	2.6
HUT	3,357,510	0.6%	89	216.8	1.5

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DXS	↑ 7.0%	-2.1%	(292)	-	0.6
CLW	↑ 7.0%	21.9%	3,735	10.7	2.3
SKG	↑ 7.0%	8.1%	1,101	14.7	1.2
SGR	↑ 6.8%	11.3%	1,699	13.3	1.5
HVN	↑ 6.7%	0.0%	(2,678)	-	-

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HAT	↑ 9.9%	36.7%	7,951	6.4	2.3
ONE	↑ 9.8%	2.2%	283	23.7	0.5
SDA	↑ 9.8%	3.2%	269	24.9	0.8
BTW	↑ 9.8%	17.8%	4,663	8.9	1.6
MED	↑ 9.2%	3.6%	946	26.4	0.9

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	4,981,300	1.5%	195	172.1	2.6
PDR	2,670,200	7.3%	1,008	32.6	2.5
MWG	2,506,400	0.7%	115	448.5	3.2
NVL	1,670,069	1.3%	311	56.2	0.8
STB	1,503,046	18.3%	4,094	7.7	1.3

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	1,752,500	7.7%	2,148	19.0	1.4
SHS	380,800	5.7%	688	29.5	1.6
DTD	106,200	19.5%	4,328	6.9	1.2
MBS	74,685	12.3%	1,334	22.5	2.6
VC7	56,200	5.4%	758	18.6	1.3

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	532,081	22.0%	5,910	16.1	3.2
BID	296,993	18.9%	3,773	13.8	2.4
CTG	187,950	17.0%	3,706	9.4	1.5
VHM	186,802	20.2%	7,664	5.6	1.0
GAS	185,117	18.4%	5,053	16.0	2.8

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	19,453	7.7%	2,148	19.0	1.4
IDC	19,305	22.6%	4,221	13.9	3.1
HUT	17,136	0.6%	89	216.8	1.5
SHS	16,507	5.7%	688	29.5	1.6
THD	13,475	3.0%	470	74.5	2.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VNE	3.00	1.1%	139	44.4	0.5
VPG	2.65	1.3%	231	71.6	0.9
GIL	2.48	1.1%	407	92.8	1.0
DC4	2.47	15.8%	1,946	6.1	0.9
KSB	2.17	3.7%	914	28.7	1.1

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

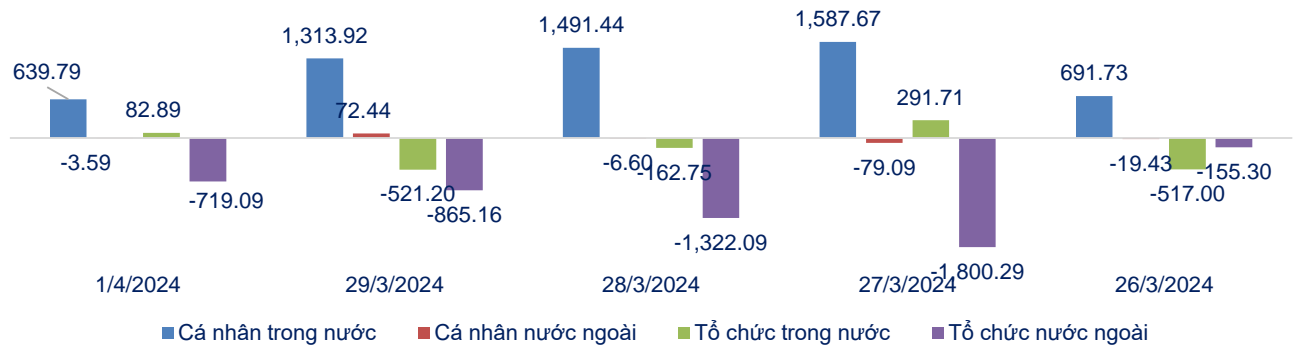
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HCT	3.95	-4.4%	(869)	-	0.5
VC7	3.95	5.4%	758	18.6	1.3
DTD	2.67	19.5%	4,328	6.9	1.2
VGS	2.61	6.1%	1,090	24.8	1.5
VC2	2.35	2.0%	293	37.9	0.8





## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	262.71	1.1%	293	250.2	2.7
SSI	134.48	10.1%	1,531	25.3	2.5
VNM	134.42	26.2%	4,248	15.8	4.0
DGC	115.94	27.1%	8,163	14.7	3.8
HPX	103.06	3.6%	419	17.5	0.6

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-148.46	1.5%	195	172.1	2.6
MWG	-108.51	0.7%	115	448.5	3.2
PDR	-88.62	7.3%	1,008	32.6	2.5
FPT	-81.26	23.4%	5,101	22.9	5.0
STB	-66.84	18.3%	4,094	7.7	1.3

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
BCM	4.19	13.0%	2,341	27.5	3.4
HPX	2.74	3.6%	419	17.5	0.6
VIX	2.06	11.6%	1,444	14.2	1.6
KBC	1.64	10.7%	2,646	13.0	1.3
MSN	1.36	1.1%	293	250.2	2.7

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-8.21	1.5%	557	85.8	1.2
IJC	-3.09	10.3%	1,568	10.2	1.6
DGC	-2.65	27.1%	8,163	14.7	3.8
VHC	-1.46	11.3%	4,153	18.5	2.0
SKG	-1.44	8.1%	1,101	14.7	1.2

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	82.04	23.4%	5,101	22.9	5.0
CTR	63.09	28.6%	4,510	29.8	7.7
MBB	38.55	23.5%	3,963	6.3	1.3
HPG	36.39	6.9%	1,175	25.6	1.7
SSI	35.63	10.1%	1,531	25.3	2.5

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPX	-105.81	3.6%	419	17.5	0.6
VIX	-87.41	11.6%	1,444	14.2	1.6
NVL	-85.83	1.3%	311	56.2	0.8
MSB	-49.01	16.0%	2,322	6.2	0.9
DCM	-32.99	10.8%	2,095	16.5	1.8

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

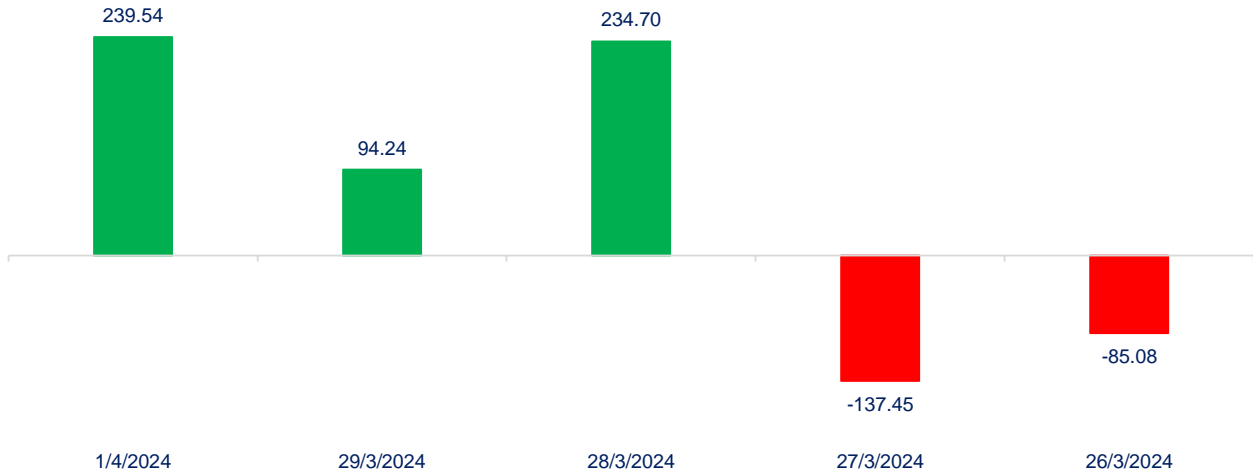
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	166.42	1.5%	195	172.1	2.6
MWG	129.44	0.7%	115	448.5	3.2
PDR	86.49	7.3%	1,008	32.6	2.5
STB	46.35	18.3%	4,094	7.7	1.3
NVL	29.39	1.3%	311	56.2	0.8

## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

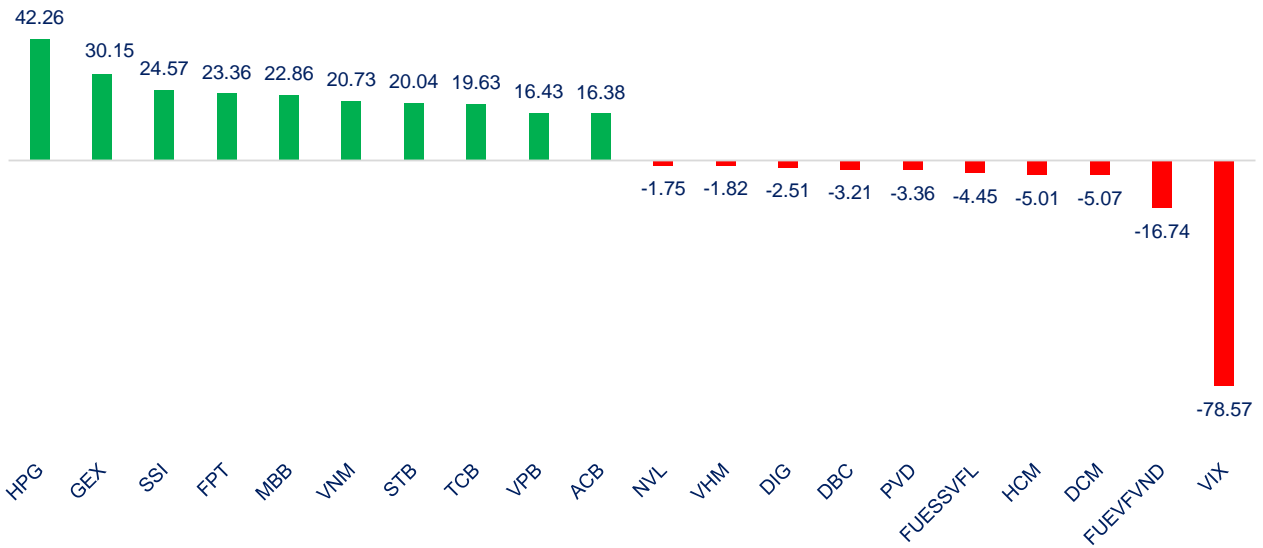
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	-249.45	1.1%	293	250.2	2.7
SSI	-170.87	10.1%	1,531	25.3	2.5
VNM	-158.40	26.2%	4,248	15.8	4.0
VCI	-97.79	7.1%	1,127	47.6	3.2
DGC	-83.07	27.1%	8,163	14.7	3.8



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

#### Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)